

Thứ hai, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm gần 18 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/9/2023		•	
Tuần 11/09-15/09/2023		•	
Tháng 09/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giảm gần 18 điểm trong ngày hôm nay, đóng cửa tại mốc 1,223.63 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh nhất là ngành Tài nguyên cơ bản. Ở chiều ngược lại, Dầu khí là ngành duy nhất giao dịch tích cực trong ngày hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Như vậy, chỉ số chưa thể thành công chinh phục ngưỡng kháng cự 1,250. Phiên giảm điểm ngày hôm nay có thanh khoản lớn, cho thấy có nhiều rủi ro đối với thị trường trong ngắn hạn. Những diễn biến tiếp theo của thị trường phụ thuộc vào sức mạnh dòng tiền bất đáy của nhà đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/09/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-17.85** điểm, đóng cửa **1223.63** điểm. HNX-Index **-1.9** điểm, đóng cửa **251.33** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+1.17)**, **OCB (+0.21)**, **VPB (+0.17)**, **PLX (+0.15)**, **PVT (+0.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.61)**, **VCB (-1.4)**, **HPG (-1.07)**, **GVR (-0.92)**, **MSN (-0.77)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,832** tỷ đồng, tăng **22.92%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **32,134** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **31.13** điểm. Thị trường có **85** mã tăng, **39** mã tham chiếu, **446** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-996.21** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-209.19 tỷ)**, **SSI (-164.37 tỷ)**, **VHM (-125.76 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.08** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-1.93%**. Các mã diễn biến tích cực: **PLX (+1.14%)**, **VPB (+0.46%)**, **DCM (+0.30%)**
- BSC50 **-1.76%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVT (+5.21%)**, **SAB (+4.30%)**, **PET (+2.52%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Dầu khí	1.29%	Bán lẻ	-1.39%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.69%	Truyền thông	-1.69%
Dịch vụ tài chính	-0.73%	Xây dựng và Vật liệu	-1.91%
Thực phẩm và đồ uống	-0.81%	Hàng cá nhân & Gia	-1.96%
Bảo hiểm	-0.88%	Bất động sản	-1.98%
Du lịch và Giải trí	-1.05%	Hóa chất	-2.40%
Y tế	-1.07%	Tài nguyên Cơ bản	-3.01%
Ô tô và phụ tùng	-1.08%	VN30	-1.48%
Công nghệ Thông tin	-1.08%	VNMID	-1.96%
Hàng & Dịch vụ Công	-1.08%	VNSML	-2.05%
Ngân hàng	-1.37%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1223.63**
Giá trị: 27832.09 tỷ **-17.85 (-1.44%)**
Khối ngoại (ròng): -996.21 tỷ

HNX-INDEX **251.33**
Giá trị: 2598.96 tỷ **-1.9 (-4.87%)**
Khối ngoại (ròng): 21.08 tỷ

UPCOM-INDEX **93.71**
Giá trị: 1151.82 tỷ **-1.01 (-1.07%)**
Khối ngoại (ròng): 1.07 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	90.3	0.40%
Giá vàng	1,919	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	24,085	0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,838	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	164	0.61%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	0.29%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.12%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	56.40	HPG	-209.19
DGC	51.12	SSI	-164.37
PDR	27.17	VHM	-125.76
VGC	18.84	KBC	-92.78
MWG	12.74	FUESSVFL	-70.75

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/09

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	87.30	0.49%	2.04%	4.31%	1.80%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	90.28	0.40%	1.95%	3.87%	-1.56%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.66	1.29%	2.53%	-1.11%	10.99%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.62	1.43%	-5.40%	-14.32%	-67.48%		
TTF Gas	EUR/MWh	34.51	5.35%	-3.11%	-13.35%	-83.34%		
Vàng	Ounce	1,918.90	-0.01%	-1.03%	0.23%	11.82%		PNJ
Bạc	Ounce	22.92	-0.13%	-5.16%	1.09%	22.04%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,350.00	0.41%	-0.46%	-0.39%	-4.41%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.48	-0.54%	-0.70%	6.51%	-6.62%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	143.30	-1.51%	2.72%	11.00%	9.06%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.31	-1.39%	1.94%	10.97%	44.40%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	432.50	-4.42%	18.49%	17.69%	-48.20%		DPM, DCM
Niken	LB	20,258.00	-0.56%	0.85%	-1.63%	-6.71%		PC1
Đồng	LB	3.69	-1.09%	-3.33%	-2.59%	3.03%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,000.00	1.01%	3.09%	41.38%	13.21%		CSV
Thép	CNY/ton	3,717.00	-0.51%	-1.06%	2.79%	-5.13%		HPG
Nhôm	Ton	2,184.00	-0.55%	-2.37%	-0.50%	-4.46%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0,85% xuống 86,77 USD/thùng vào lúc 7h44 (giờ Việt Nam), trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 11 giảm 0,31% xuống 90,16 USD/thùng.
- Giá dầu thô giảm trong phiên giao dịch sáng ngày thứ Hai (11/9) sau khi lên cao nhất 9 tháng vào cuối tuần trước nhờ lo ngại về nguồn cung.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 11/9, giá vàng giao ngay giảm 0,02% xuống 1.918,3 USD/ounce vào lúc 7h13 (giờ Việt Nam), theo Kitco. Giá vàng giao tháng 12 cũng giảm 0,02% xuống 1.942,25 USD.
- Giá vàng giảm nhẹ với một số nhà phân tích nhận định hoạt động kinh tế mạnh mẽ sẽ tiếp tục hỗ trợ đồng USD và do đó, khiến vàng bị mắc kẹt trong phạm vi giao dịch hiện tại.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc đã chốt phiên với giá thấp hơn 2,1% ở mức 827,50 nhân dân tệ/tấn (112,61 USD/tấn), sau khi giảm 0,9% vào hôm 7/9, đưa nó đi đúng hướng cho tuần giảm đầu tiên sau 5 tuần. Trên Sàn giao dịch Singapore (SGX), hợp đồng quặng sắt chuẩn kỳ hạn tháng 10 đã giảm 1% ở mức 113,05 USD/tấn, sau khi giảm 1,7% trong phiên trước đó.

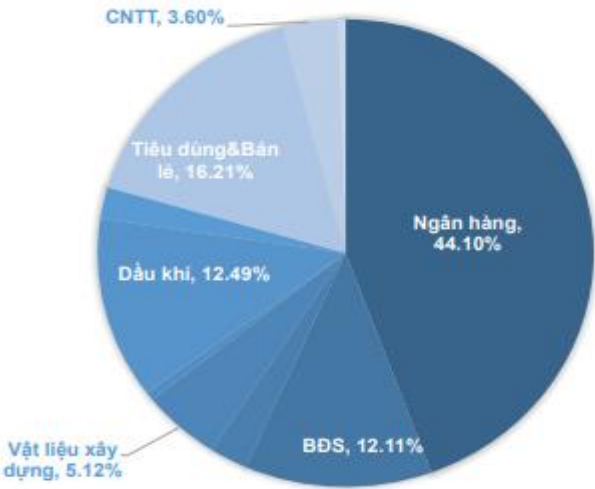
Giá hàng hóa khác

- Giá gas hôm nay (11/9) giảm 2,64% xuống mức 2,55 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 10/2023 vào lúc 9h55 (giờ Việt Nam).
- Giá cà phê trên thị trường thế giới biến đổi không đồng nhất. Cụ thể, giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 11/2023 được ghi nhận tại mức 2.407 USD/tấn, đi ngang so với cuối tuần trước. Giá cà phê arabica giao tháng 12/2023 tại New York ở mức 148,65 US cent/pound sau khi tăng 0,77% (tương đương 1,15 US cent) tại thời điểm khảo sát vào lúc 6h20 (giờ Việt Nam).

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	88.5	-1.1%	0.9	20,558	6.1	7,311	12.1	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	46.5	-1.1%	0.8	9,776	1.9	4,208	11.1	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.9	0.5%	1.1	6,110	34.6	-		23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	34.6	-2.3%	1.6	5,051	15.5	-		-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.8	-1.8%	1.5	4,063	11.7	4,640	4.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.6	-2.8%	1.2	2,476	42.9	4,603	6.9	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	21.8	-4.2%	1.9	3,616	4.0	4,880	4.5	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	34.1	-3.7%	1.6	1,088	27.4			34,000	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	48.1	1.3%	1.7	660	9.6	1,217		45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	49.8	-2.4%	1.8	928	3.7	1,916	26.0	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.0	-2.6%	2.1	6,767	55.5	1,896	14.8	23,300	26.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	52.5	-2.8%	1.1	9,501	18.5	5,227	10.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	28.7	-3.0%	1.0	2,710	6.8	1,576	18.2	36,200	32.1%	Link
KDH	BĐS	34.8	-3.9%	1.8	1,037	2.7	2,557	13.6	35,900	38.9%	Link
NLG	BĐS	37.4	-4.8%	1.7	597	7.0	14,120	2.6	46,100	41.4%	Link
DGC	Phân bón	90.9	-1.6%	1.9	1,435	18.4	6,793	13.4	85,000	13.5%	Link
DPM	Dầu khí	40.4	0.0%	1.0	658	12.0	2,625	15.4	42,000	15.4%	Link
DCM	Dầu khí	34.0	0.3%	1.4	747	15.0	2,292	14.8	40,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	101.4	-0.8%	0.6	8,066	1.6	1,340	75.7	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	39.8	1.1%	0.9	2,104	3.4	2,929	13.6	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	35.9	1.1%	1.1	713	13.0	993	36.2	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.0	-1.7%	1.1	601	9.2	7,698	3.4	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	12.7	-1.2%	0.9	1,236	4.3	3,895	3.3	14,500	6.2%	Link
VNM	Bán lẻ	79.5	-0.6%	0.4	6,906	14.0	2,605	30.5	81,700	54.4%	Link
MSN	Bán lẻ	79.6	-2.7%	1.3	4,734	10.0	3,456	23.0	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	54.5	-1.8%	1.8	3,313	19.2	7,475	7.3	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	83.6	-0.5%	0.6	1,140	2.8	2,965	28.2	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	77.4	-3.2%	1.0	590	6.4	12,800	6.0	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	63.2	-2.5%	0.5	804	4.5	7,059	9.0	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	97.4	-0.2%	0.6	5,141	20.8	5,901	16.5	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	31.9	-1.20%	1.1	6,372	9.9	3,520	8.6	1.3	27.2%	15.9%
ACB	Ngân hàng	22.4	-1.8%	1.1	3,608	9.8	3,742	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.1	-1.4%	0.8	2,056	5.7	3,149	5.9	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	16.2	0.6%	1.3	1,722	9.8	2,732	5.9	1.3	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.2	-1.9%	1.2	2,130	4.4	3,469	5.9	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	23.4	-1.1%	1.9	1,184	35.1	489	36.6	1.7	23.5%	3.8%
TPB	Ngân hàng	19.0	-2.3%	1.0	1,734	8.0	2,895	6.3	1.4	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	33.5	-0.7%	1.6	2,087	47.9	1,120	25.0	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	23.0	-1.1%	1.6	272	14.6	218	85.0	1.1	8.4%	0.2%
C4G	Xây dựng	14.4	-2.7%	1.9	0	2.5	791	18.1	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	64.5	-3.4%	2.0	200	2.7	184	420.2	0.6	43.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.6	-1.9%	1.6	214	6.1	903	17.2	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.7	-0.7%	2.1	108	7.4	812	17.0	1.1	3.1%	3.7%
BCM	KCN	71.0	-2.2%	0.7	3,054	1.1	1,170	69.2	4.4	2.7%	3.1%
HUT	KCN	26.9	2.7%	1.4	998	6.7	162	124.2	2.4	1.9%	1.3%
PHR	KCN	48.7	-2.6%	1.4	274	1.1	6,039	8.4	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	38.5	-3.6%	1.8	192	3.0	1,103	29.1	2.8	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	21.3	-3.2%	2.4	545	14.1	(1,694)		1.2	20.2%	-11.7%
HT1	Vật liệu	15.3	0.0%	1.5	243	1.0	386	43.4	1.3	3.6%	1.2%
NKG	Vật liệu	21.0	-3.9%	2.5	230	13.8	(2,586)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	56.8	-2.6%	1.0	158	1.4	6,017	9.1	1.4	17.1%	13.7%
KSB	Vật liệu	32.0	1.3%	1.7	102	8.7	1,393	22.2	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BĐS	20.5	-6.8%	1.4	1,662	61.1	362	40.6	1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BĐS	21.2	-6.2%	2.7	538	31.9	(240)		1.3	18.4%	-1.4%
HDC	BĐS	35.7	-5.6%	1.0	200	9.4	2,526	11.4	2.7	2.0%	17.2%
DIG	BĐS	27.8	-5.4%	2.4	705	38.8	262	80.6	2.2	5.8%	1.1%
IJC	BĐS	16.0	-3.9%	2.1	168	3.2	1,662	8.6	1.1	5.7%	10.2%
BSR	Dầu khí	20.8	-2.8%	1.4	0	11.2	4,750	3.8	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	25.2	5.2%	0.8	340	16.0	2,740	8.6	1.1	13.9%	15.9%
PLC	Săm lốp	36.4	2.2%	1.6	122	0.5	1,355	28.2	2.4	1.2%	7.6%
DRC	Tiện ích	23.2	-0.6%	1.2	115	0.9	2,246	10.3	1.6	11.5%	13.4%
REE	Tiện ích	63.6	-0.6%	0.7	1,080	2.8	6,714	9.8	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	24.3	-5.4%	1.8	860	29.9	10	1917.7	1.6	11.9%	2.5%
NT2	Tiện ích	29.8	0.8%	0.6	356	1.7	3,245	9.3	1.8	15.3%	15.6%
HDG	Tiện ích	30.7	-3.2%	1.8	390	5.4	3,775	8.1	1.7	23.8%	15.7%
PC1	Tiện ích	30.0	-2.0%	1.6	337	6.9	1,257	21.6	1.5	5.6%	5.1%
GEG	Tiện ích	14.6	-3.3%	1.1	207	0.8	902	16.5	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	11.5	-5.0%	2.5	255	12.3	220	44.5	0.9	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	167.5	4.3%	0.1	4,464	5.9	7,649	19.6	4.2	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	49.4	-2.2%	0.5	0	2.3	4,226	11.9	2.0	16.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	85.0	-1.2%	1.6	481	3.3	1,620	47.4	5.9	32.7%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	60.0	0.2%	2.2	417	6.7	3,397	14.2	3.5	23.6%	21.7%
DBC	Bán lẻ	25.0	-3.8%	2.0	252	9.8	(1,339)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	30.6	2.5%	2.4	136	1.9	1,026	29.3			3.7%
BAF	Bán lẻ	20.6	-1.9%	1.1	123	1.2	1,409	17.9	1.7	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	36.4	0.1%	1.9	201	4.8	4,368	8.6	1.6	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	31.9	-2.4%	0.3	177	2.5	2,087	18.3	1.5	3.1%	6.4%
HAH	Logistics	37.7	-1.0%	1.3	165	7.5	9,072	5.3	1.5	4.5%	25.5%
CTR	Công nghệ	81.8	-3.1%	1.5	389	0.9	4,040	18.5	5.0	9.7%	31.9%
TNG	Dệt may	21.1	4.5%	1.7	100	3.9	2,665	7.5	1.3	23.8%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639